TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2023
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoàng;

2. Ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị An, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên toà: Bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 09/3/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 351/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/02/2023; Quyết định hoãn phiên toà số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: T20, ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh A;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1989; nơi cư trú: T18, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A;

Tại phiên toà, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:*

Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc B tự tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 28/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên. Quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, đến tháng

01 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đã xảy ra cự cãi qua lại với nhau do không có thu nhập về kinh tế đảm bảo cuộc sống. Đã nhiều lần ông T và bà B cùng hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân nhưng không có tiếng nói chung, hiện nay không còn chung sống với nhau. Nhận thấy không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc B có 02 con chung tên Phan Thị Ngọc L1, sinh ngày 18/6/2009 và Phan Thị Ngọc L2, sinh ngày 29/01/2012. Ông T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu bà B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt, không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

** Tại phiên toà, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông T và bà B có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ đầu năm 2022 đến nay, nhưng cả hai không tạo cho nhau điều kiện để đoàn tụ gia đình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Ông T và bà B có 02 con chung Phan Thị Ngọc L1, sinh ngày 18/6/2009 và Phan Thị Ngọc L2, sinh ngày 29/01/2012. Cháu Phan Thị Ngọc L1 và Phan Thị Ngọc L2 đều có nguyện vọng được sống cùng cha là Phan Văn T. Ông T không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu giao 02 con chung cho ông T nuôi dưỡng và bà B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B; bị đơn có địa chỉ cư trú tổ 18, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Phan Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung:*

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Giấy đăng ký kết hôn số 126 ngày 28/12/2009 của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau, nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đã xảy ra cự cãi qua lại với nhau do không có thu nhập về kinh tế đảm bảo cuộc sống, nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Từ đó, thấy rằng việc hàn gắn mâu thuẫn là không thể thực hiện được do hiện tại không còn sống chung và các bên đương sự không có thiện chí và mong muốn đoàn tụ, cùng nhau chăm lo, xây dựng gia đình. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Về con chung: Nguyên đơn ông Phan Văn T và bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B có 02 con chung tên Phan Thị Ngọc L1, sinh ngày 18/6/2009 và Phan Thị Ngọc L2, sinh ngày 29/01/2012. Hiện nay, cháu Lý và cháu Liễu đang chung sống cùng nguyên đơn ông Phan Văn T và có nguyện vọng được sống cùng cha là ông Phan Văn T. Để đảm bảo điều kiện học tập, sinh hoạt cần tiếp tục giao 02 con chung tên Phan Thị Ngọc L1, Phan Thị Ngọc L2 cho nguyên đơn ông Phan Văn T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[3] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc B.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung Phan Thị Ngọc L1, sinh ngày 18/6/2009 và Phan Thị Ngọc L2, sinh ngày 29/01/2012 cho ông Phan Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phan Văn T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị Ngọc B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc B không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Ông Phan Văn T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 *(ba trăm nghìn) đồng* tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008875 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên. Ông T đã nộp đủ án phí. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 28/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

[7] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ